

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HSST
Ngày: 26/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

Thư ký phiên tòa: Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Kiều Anh Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2020/TLST-HS ngày 19/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HS ngày 06/6/2020; đối với bị cáo:

Trần Thị Ngọc N; tên gọi khác: L; giới tính: nữ; sinh ngày 15/10/1974 tại TT Huế; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 7/144 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 05/12; con ông: Trần Thiện T (đã chết) và bà: Đặng Thị L (đã chết); chồng: Trần Sinh A, con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình, đi học đến lớp 5 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình, sau đó lập gia đình và làm nghề buôn bán cho đến ngày bị bắt.

Tiền án: có 01 tiền án (ngày 11/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, Bản án số 36/2019/HSST); tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/3/2020; có mặt.

*** Bị hại:**

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, trú tại số 75 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 07/3/2020, Trần Thị Ngọc N đến chợ X, phường T, thành phố H để mua hàng. Khi đi ngang qua quầy tạp hóa của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1963, trú tại số 75 Đường L, phường T, thành phố H) thì nhìn thấy có 01 túi xách màu đen của chị H để trên quầy. Nhưng nảy sinh ý định lấy trộm nên lợi dụng lúc chị H đang bán hàng cho người khác, sơ hở trong quản lý tài sản, Nhung dùng tay lấy trộm túi xách rồi bỏ đi thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

-01 Túi xách màu đen có dây mang, kích thước 20cm x17cm x 3cm, loại túi xách da ni lông, đã qua sử dụng.

* Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 75/KL-HĐĐG ngày 17/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: 01 Túi xách màu đen, bằng da ni lông, có dây đeo, kích thước 20cm x17cm x 3cm có giá trị 30.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại túi xách cho chị Nguyễn Thị H, chị H không có yêu cầu gì thêm về dân sự. (BL: 27-28, 60-61).

Tại bản cáo trạng số: 107/CT-VKS- HS ngày 19 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Trần Thị Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N từ 06 tháng đến 09 tháng tù. **Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ mà bị cáo chưa chấp hành là 44 ngày thành hình phạt tù theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo là còn 14 ngày để tổng hợp với hình phạt của bản án mới.**

Trách nhiệm dân sự: Không có.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Ngọc N khai nhận khoảng 08 giờ ngày 07/3/2020, tại Khu vực chợ X, phường T, thành phố H, bị cáo đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị H 01 túi xách trị giá 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng). Trần Thị Ngọc N đang chấp hành án cải tạo không giam giữ về tội: “Trộm cắp tài sản” lại tiếp tục trộm cắp tài sản. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Trần Thị Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có cơ sở.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy: Bị cáo Trần Thị Ngọc N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, xác định được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng vẫn không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại các điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ pháp luật.

Trần Thị Ngọc N bị xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ đã chấp hành được 321 ngày (từ ngày 10/5/2019 đến ngày bị bắt tạm giam 26/3/2020) còn lại 44 ngày cải tạo không giam giữ chưa chấp hành. Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ mà bị cáo chưa chấp hành là 44 ngày thành hình phạt tù theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo là còn 14 ngày để tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc N 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự; chuyển đổi hình phạt cải tạo không giam giữ mà bị cáo chưa chấp hành là 44 ngày thành hình phạt tù theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo là còn 14 ngày. Tổng hợp hình phạt của Bản án số: 36/2019/HSST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 3 tháng 14 ngày tù (Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/3/2020).

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Thị Ngọc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp TT-Huế;
- VKSND tp. Huế;
- Công an tp. Huế
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng PV 27 Công an Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THA dân sự tp. Huế;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Hồng Vân